TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **247** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/04/2023
Về việc: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1**. Bà Phạm Thị Bích Hợp**

2. **Bà Hoàng Thị Thiệu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Bích Phương**– Cán bộ Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: bà **Lê Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2023 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **35**/2023/QĐXX-ST ngày 17/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **32**/2023/QĐST-HPT ngày 04/4/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà **Lâm Thị T** - sinh năm 1974; HKTT: Số nhà 78 ngõ 219 đường Đê Tô Hoàng, phường C, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số nhà 38 ngõ 29/21 phố N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội (Có mặt);

- ***Bị đơn***: Ông **Đặng Nam T** - sinh năm 1973; HKTT và nơi ở: Số nhà 78 ngõ 219 đường Đ, phường C, quận H, thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] ***Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lâm Thị T trình bày:*** bà và ông Đặng Nam T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/11/1997 tại UBND phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại địa chỉ: Số nhà 78 ngõ 219 đường đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không thực sự hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do không hợp nhau về tính cách

và quan điểm sống, nên cả hai thường nảy sinh tranh cãi, bất đồng trong cuộc sống. Mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2016 do ông T thường xuyên chơi bời cờ bạc, lô đề, dẫn đến nợ nần chồng chất, đã nhiều lần bị các chủ nợ tìm đến nhà đòi nợ, gây áp lực để buộc gia đình phải trả nợ cho ông. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình hai bên có nhiều lần hòa giải, khuyên ngăn, động viên, hỗ trợ ông trả nợ nhưng ông không chịu thay đổi mà ngày càng lún sâu hơn. Đến năm 2018, do không có khả năng trả nợ, ông T đã bỏ trốn nợ. Thỉnh thoảng ông có gọi điện về cho các con để hỏi han tình hình, nhưng khi các con hỏi hiện nay bố đang sống ở đâu, thì ông T chỉ im lặng không nói. Ngày 21/12/2022 bà đã đăng thông tin đại chúng là báo " Mua và bán"để tìm ông T về giải quyết việc gia đình, nhưng không có hồi âm. Bà đã hỏi han bạn bè người thân trong gia đình nhưng không ai biết cụ thể ông đang sống ở đâu.

Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên sau một thời gian suy nghĩ kỹ, bà kiên quyết xin được ly hôn với ông T.

- **Về con chung**: bà xác nhận vợ chồng có hai con chung là: 1/ Đặng Phương Linh – sinh ngày 04/3/1997 (Nữ) 2/ Đặng Phương Chi – sinh ngày 05/11/2003 (Nữ). Các con đều đã thành niên, tự lo được cho bản thân.

- Về tài sản chung, nhà ở và vay nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà xin chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đối với bị đơn là ông Đặng Nam T để ông T biết những vấn đề cụ thể mà bà T yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập ông T đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, ông T không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T không tham gia phiên họp. Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa.

Tại phiên tòa: bà T có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/1997 tại UBND phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2016, nguyên nhân chủ yếu do hai bên không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, do nợ nần nhiều ông T đã bỏ nhà đi trốn nợ. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T. Về con chung: ông bà có 02 (hai) con chung, hiện đều đã trưởng thành. Về tài sản chung(bao gồm động sản và bất động sản), công nợ chung: bà T không yêu cầu Toà án giải quyết,Ông T không có ý kiến quan điểm về nội dung trên, do vậy Tòa án không xem xét tại vụ kiện này, giành cho đương sự quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Về án phí: Bà T là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Đặng Nam T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 78 ngõ 219 đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 04/4/2023, ônh T vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 25/4/2023. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/1997 tại UBND phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến khoảng năm 2016 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách và lối

sống khác biệt nên giữa hai bên thường nảy sinh bất đồng, vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Ngoài ra nguyên nhân mâu thuẫn còn do ông T không chí thú làm ăn, chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, thường xuyên có người đến tận nhà đòi nợ, khiến cuộc sống của gia đình luôn trong tình trạng bị xáo trộn, căng thẳng, đã nhiều lần gia đình trả nợ thay cho ông T, ông T hứa hẹn sửa chữa nhưng sau đó lại nợ nhiều hơn. Do nợ nần quá nhiều Ông T đã bỏ trốn từ năm 2018, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Thỉnh thoảng ông có gọi điện về cho các con, nhưng không nói hiện ông ở đâu, cố tình giấu địa chỉ nhằm mục đích trốn nợ. Việc không đến Tòa án theo các thông báo của Tòa án đã thể hiện ông T tự từ bỏ quyền được trình bày, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Quá trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và quan điểm, lối sống, tuy nhiên mâu thuẫn không thể hiện nhiều ra bên ngoài nên chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Nay bà T có đơn xin ly hôn ông T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của chị gái ông T là bà Đặng Thị Anh Đào, bà Đào cung cấp: Vợ chồng bà T ông T có phát sinh mâu thuẫn, nhưng do anh chị em kiến giả nhất phận nên bà cũng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì. Các con ông bà là chị Đặng Phương Linh và Đăng Phương Chi đều có văn bản trình bày: ông bà mâu thuẫn đã lâu, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống căng thẳng do ông T nợ nần thường xuyên có người đến đòi nợ, gia đình đã trả nợ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, do nợ nần quá nhiều nên năm 2018 ông T đã đi trốn nợ, thỉnh thoảng ông có điện thoại về cho các con, nhưng không nói hiện đang ở đâu, nếu ông bà có chung sống cũng không hạnh phúc, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà T được ly hôn ông T.

Xét thấy: Bà T và ông T đã nảy sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Giữa ông bà không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình là thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho hai bên, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn ông T.

Về con chung: bà T xác nhận vợ chồng có hai con chung là:

1/ Đặng Phương Linh – sinh ngày 04/3/1997;

2/ Đặng Phương Chi – sinh ngày 05/11/2003.

Các con chung của ông bà đều đã thành niên, tự lo được cho bản thân, nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), công nợ chung: bà T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Ông T không có ý kiến, quan điểm đối với nội dung này, do vậy giành cho ông T quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị T đối với ông Đặng Nam T. **Bà Lâm Thị T được ly hôn ông Đặng Nam T.**

2. *Về con chung*: Bà T và ông T có hai con chung là;

1/ Đặng Phương Linh – sinh ngày 04/3/1997;

2/ Đặng Phương Chi – sinh ngày 05/11/2003.

Các con của ông bà đều đã thành niên, tự lo được cho bản thân, nên Tòa án không xem xét.

3. *Về tài sản chung(bao gồm động sản và bất động sản), công nợ chung*: bà T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Ông T không có ý kiến quan điểm về nội dung này, do vậy giành cho ông T quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác khi ông có yêu cầu.

4. *Về án phí*: Bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn)* bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/**0013133** ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bà T, vắng mặt ông T. Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND P.Cầu Dền, Q.HBT, TP Hà Nội
(ĐKKH số 32; Q I/97; ngày 08/11/1997);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 25 tháng 04 năm 2023

Tại: Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Thúy Hương***

Các Hội thẩm nhân dân: 1**. Bà Phạm Thị Bích Hợp**

2. **Bà Hoàng Thị Thiệu**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2023 về việc tranh chấp ly hôn, giữa:

- ***Nguyên đơn***: Bà **Lâm Thị T** - sinh năm 1974; HKTT: Số nhà 78 ngõ 219 đường Đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số nhà 38 ngõ 29/21 phố Nghĩa Dũng, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

- ***Bị đơn***: Ông **Đặng Nam T** - sinh năm 1973; HKTT và nơi ở: Số nhà 78 ngõ 219 đường Đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về thẩm quyền, thời hiệu về việc giải quyết vụ án:

1.1. Ý kiến các thành viên Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

** Ý kiến của Hội thẩm nhân dân (sau đây viết tắt là HTND) bà Phạm Thị Bích Hợp:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Đặng Nam T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 78 ngõ 219 đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, theo tôi vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 04/4/2023, ônh T vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 25/4/2023. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

** Ý kiến của HTND – bà Hoàng Thị Thiệu:* Tôi nhất trí với ý kiến bà Hợp.

** Ý kiến Thẩm phán Nguyễn Thị Thúy Hương:* Tôi nhất trí với ý kiến của hai vị HTND.

<u>Phần biểu quyết quyết định:</u>

Các thành viên HĐXX biểu quyết 3/3 nhất trí quyết định: vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

2. Về nội dung vụ kiện:

2.1. Ý kiến các thành viên HĐXX :

** Ý kiến của HTND – bà Phạm Thị Bích Hợp:*

Về nội dung vụ kiện:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/1997 tại UBND phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến khoảng năm 2016 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách và lối sống khác biệt nên giữa hai bên thường nảy sinh bất đồng, vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Ngoài ra nguyên nhân mâu thuẫn còn do ông T không chí thú làm ăn, chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, thường xuyên có người đến tận nhà đòi nợ, khiến cuộc sống của gia đình luôn trong tình trạng bị xáo trộn, căng thẳng, đã nhiều lần gia đình trả nợ thay cho ông T, ông T hứa hẹn sửa chữa nhưng sau đó lại nợ nhiều hơn. Do nợ nần quá nhiều Ông T đã bỏ trốn từ năm 2018, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Thỉnh thoảng ông có gọi điện về cho các con, nhưng không nói hiện ông ở đâu, cố tình giấu địa chỉ nhằm mục đích trốn nợ. Việc không đến Tòa án theo các thông báo của Tòa án đã thể hiện ông T tự từ bỏ quyền được trình bày, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Quá trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và quan điểm, lối sống, tuy nhiên mâu thuẫn không thể hiện nhiều ra bên ngoài nên chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Nay bà T có đơn xin ly hôn ông T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của chị gái ông T là bà Đặng Thị Anh Đào, bà Đào cung cấp: Vợ chồng bà T ông T có phát sinh mâu thuẫn, nhưng do anh chị em kiến giả nhất phận nên bà cũng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì. Các con ông bà là chị Đặng Phương Linh và Đăng Phương Chi đều có văn bản trình bày: ông bà mâu thuẫn đã lâu, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống căng thẳng do ông T nợ nần thường xuyên có người đến đòi nợ, gia đình đã trả nợ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, do nợ nần quá nhiều nên năm 2018 ông T đã đi trốn nợ, thỉnh thoảng ông có điện thoại về cho các con, nhưng không nói hiện đang ở đâu, nếu ông bà có chung sống cũng không hạnh phúc, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà T được ly hôn ông T.

Xét thấy: Bà T và ông T đã nảy sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Giữa ông bà không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình là thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho hai bên, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, tôi đề nghị: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn ông T.

Về con chung: bà T xác nhận vợ chồng có hai con chung là:

1/ Đặng Phương Linh – sinh ngày 04/3/1997;

2/ Đặng Phương Chi – sinh ngày 05/11/2003.

Các con chung của ông bà đều đã thành niên, tự lo được cho bản thân, nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), công nợ chung: bà T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Ông T không có ý kiến, quan điểm đối với nội dung này, do vậy giành cho ông T quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

** Ý kiến Thẩm phán Nguyễn Thị Thúy Hương:* Tôi nhất trí với ý kiến của hai vị HTND.

Phần biểu quyết quyết định:

Các thành viên HĐXX biểu quyết 3/3 nhất trí quyết định:

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị T đối với ông Đặng Nam T. **Bà Lâm Thị T được ly hôn ông Đặng Nam T.**

2. *Về con chung*: Bà T và ông T có hai con chung là;

1/ Đặng Phương Linh – sinh ngày 04/3/1997;

2/ Đặng Phương Chi – sinh ngày 05/11/2003.

Các con của ông bà đều đã thành niên, tự lo được cho bản thân, nên Tòa án không xem xét.

3. *Về tài sản chung(bao gồm động sản và bất động sản), công nợ chung*: bà T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Ông T không có ý kiến quan điểm về nội dung này, do vậy giành cho ông T quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác khi ông có yêu cầu.

4. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**